

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc quy định thu lệ phí thuộc lĩnh vực Công an
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 Quy định chi tiết một số điều của Luật Phí và Lệ Phí; Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 42/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khoá XIII - Kỳ họp thứ 4" Về việc quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh theo Luật Phí và lệ phí";

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5172/TTr-STC ngày 21/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu Lệ phí đăng ký cư trú thuộc lĩnh vực công an trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Đơn vị thu lệ phí có trách nhiệm niêm yết, thông báo công khai mức thu lệ phí tại các điểm thu lệ phí; Tổ chức thu, quản lý và sử dụng tiền thu lệ phí theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017. Mức thu lệ phí đăng ký cư trú quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quyết định số 3308/2016/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tỉnh "Về việc quy định mức thu lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú và bãi bỏ quy định thu lệ phí chứng minh nhân dân" hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./

Nơi nhận:

- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- Trung tâm thông tin;
- V0, V1-5, TM;
- Lưu: VT, TM4.

30 bản, QĐ 361-7

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thành

PHỤ LỤC: MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ CƯ TRÚ
 (Kèm theo Quyết định số 4281/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016
 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với các trường hợp: Bố, mẹ, vợ (hoặc chồng) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; Thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo; Công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc		Miễn thu
2	Đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các phường của thành phố thuộc tỉnh		
-	Đăng ký cấp lần đầu, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu cá nhân; cấp lại, đổi sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú;	đồng/lần đăng ký	10.000
-	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần cấp.	5.000
-	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú		Miễn thu
-	Cấp đổi sổ hộ khẩu cá nhân, gia đình, sổ tạm trú; theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	10.000
3	Đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các khu vực khác		
-	Đăng ký cấp lần đầu, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu cá nhân; cấp lại, đổi sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú;	đồng/lần đăng ký	5.000
-	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	đồng/lần cấp.	2.000
-	Điều chỉnh những thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú		Miễn thu
-	Cấp đổi sổ hộ khẩu cá nhân, gia đình, sổ tạm trú; theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà	đồng/lần cấp	5.000
4	Đăng ký cấp lần đầu đối với: Cấp sổ hộ khẩu gia đình, sổ tạm trú		Miễn thu